

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 9 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các hội thẩm nhân dân:

1./ Bà Trần Thị Liên.

2./ Bà Nguyễn Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Kiều Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 662/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 164/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị S**, sinh năm 1983 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Chỗ ở hiện nay: **Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Số F, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn, bà Phan Thị S trình bày:** về quan hệ hôn nhân: bà **S** và ông **Nguyễn Văn Đ** tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã **H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Sau khi kết hôn thì vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông **Đ** thường xuyên uống rượu, bạo hành vợ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay không ai quan tâm tới ai. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà **S** ly hôn với ông **Nguyễn Văn Đ**.

Về con chung: Có 02 con chung là **Nguyễn Thị Tuyết M** – sinh ngày 02/10/2004 và **Nguyễn Thị Thanh T** – sinh ngày 26/10/2008. Hiện cháu **M** đã đủ

tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trình bày:**

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị S. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Thị Tuyết M – sinh ngày 02/10/2004 đã đủ tuổi thành niên nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày 26/10/2008 cho bà Phan Thị S chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Văn Đ được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị S yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ, địa chỉ cư trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị S và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Phan Thị S và ông Nguyễn Văn Đ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: “vợ chồng bà **Phan Thị S** và ông **Nguyễn Văn Đ** trong cuộc sống gia đình có những bất đồng quan điểm sống trong gia đình”.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc bà **Phan Thị S** xét thấy không còn tình cảm với ông **Nguyễn Văn Đ**, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn cuộc sống kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà **Phan Thị S**, cho bà **Phan Thị S** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn Đ**.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà **Phan Thị S** và ông **Nguyễn Văn Đ** có 02 con chung là **Nguyễn Thị Tuyết M** – sinh ngày 02/10/2004 và **Nguyễn Thị Thanh T** – sinh ngày 26/10/2008. Quá trình giải quyết vụ án bà **S** cũng có nguyện vọng được nuôi cháu **T** cho. Tại bản tự khai cháu **T** có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Nên Hội đồng xét xử xét thấy việc bà **S** có nguyện vọng nuôi con là phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu **Nguyễn Thị Thanh T** – sinh ngày 26/10/2008 cho mẹ là bà **Phan Thị S** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Đối với cháu **Nguyễn Thị Tuyết M** – sinh ngày 02/10/2004 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà **Phan Thị S** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà **Phan Thị S** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị đơn ông **Nguyễn Văn Đ** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phan Thị S**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phan Thị S** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn Đ**.

2. Về con chung:

Giao cháu **Nguyễn Thị Thanh T** – sinh ngày 26/10/2008 cho mẹ là bà **Phan Thị S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi)

Đối với cháu **Nguyễn Thị Tuyết M** – sinh ngày 02/10/2004 đã đủ tuổi thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông **Nguyễn Văn Đ** có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà **Phan Thị S** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí: Bà **Phan Thị S** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2022/0003033 ngày 18/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND xã Hòa Khánh; (Đã ký)
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Loan